

PHẠM VIỆT VƯỢNG

**MODULE THCS**

**25**

**VIẾT SÁNG KIẾN  
KINH NGHIỆM  
TRONG TRƯỜNG  
TRUNG HỌC CƠ SỞ**



## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Giáo dục là một hoạt động luôn đòi hỏi phải sáng tạo. Sự sáng tạo này được bắt nguồn từ việc người giáo viên phải thường xuyên sử dụng các *phương pháp giáo dục linh hoạt để xử lý các tình huống sư phạm bất thường* nảy sinh. Đặc biệt khi chúng ta sống trong thời đại khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng và thế giới đang diễn ra quá trình hội nhập sâu rộng, thì việc giáo dục thế hệ trẻ trở thành những công dân năng động, sáng tạo là một yêu cầu bức thiết.

Viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục là tổng kết lại những việc đã làm có kết quả tốt, là nghiên cứu ứng dụng những lí thuyết mới, những sáng kiến mới vào thực tế. Đối với các nhà giáo, đây vừa là hình thức nghiên cứu để phát triển chuyên môn, vừa là hình thức tự học để hoàn thiện năng lực sư phạm mà mục đích cuối cùng là góp phần nâng cao chất lượng quá trình giáo dục và dạy học trong nhà trường.

Với tầm quan trọng của nó, việc viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục đang được phát động thành một phong trào rộng khắp trong tất cả các bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông của cả nước.

*Viết sáng kiến kinh nghiệm trong trường trung học cơ sở* là một module trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên các trường trung học cơ sở, bao gồm những nội dung sau đây:

1. Bản chất của sáng kiến kinh nghiệm giáo dục.
2. Ý nghĩa của việc viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục.
3. Lựa chọn đề tài viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục trong trường trung học cơ sở.
4. Thực hành viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục trong trường trung học cơ sở.
5. Đánh giá và phổ biến ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến trong trường trung học cơ sở.



## **B. MỤC TIÊU**

### **I. MỤC TIÊU CHUNG**

*Nghiên cứu module này giúp các nhà giáo ở trường trung học cơ sở hình thành quan điểm và kỹ năng nghiên cứu trong hoạt động giáo dục, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.*

### **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

#### **1. Về kiến thức**

- Củng cố thêm những hiểu biết về viết sáng kiến, kinh nghiệm trong giáo dục ở trường trung học cơ sở và những khái niệm có liên quan.
- Hiểu rõ ý nghĩa của việc viết sáng kiến kinh nghiệm đối với việc nâng cao năng lực sư phạm của giáo viên, đối với sự nghiệp giáo dục và sự phát triển khoa học giáo dục.
- Nắm vững quy trình viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục.

#### **2. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng xác định đề tài, nội dung, phương pháp viết sáng kiến kinh nghiệm về dạy học và giáo dục ở trường trung học cơ sở.
- Có thể viết được một báo cáo về sáng kiến kinh nghiệm giáo dục và dạy học ở trường trung học cơ sở.

#### **3. Về thái độ**

- Hình thành quan điểm tiếp cận nghiên cứu trong hoạt động giáo dục.
- Có ý thức hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp trong việc nghiên cứu, viết và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm giáo dục.



## C. NỘI DUNG

### I. NHỮNG YÊU CẦU KHI NGHIÊN CỨU MODULE

- Đọc và suy nghĩ về mục tiêu học tập của module.
- Nghiên cứu kĩ thông tin nguồn.
- Phối hợp cùng đồng nghiệp thực hiện các hoạt động học tập.
- Thực hiện các bài tập thực hành vận dụng.
- So sánh kết quả học tập, nghiên cứu, vận dụng của mình với các thông tin phản hồi để điều chỉnh phương pháp học một cách kịp thời.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện từng nội dung học tập.

### II. CÁC HOẠT ĐỘNG

#### Hoạt động 1

---

TÌM HIỂU CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN VIẾT SÁNG KIẾN  
KINH NGHIỆM TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

#### PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

##### *Tự nghiên cứu*

- Mỗi học viên suy nghĩ, tự trả lời các câu hỏi và viết ra giấy nội hàm các khái niệm sau:
  - + Nghiên cứu khoa học là gì?
  - + Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng giống và khác nhau ở những điểm gì?
  - + Nghiên cứu sư phạm ứng dụng là gì?
  - + Thế nào là sáng kiến, thế nào là kinh nghiệm? Chúng khác nhau ở điểm gì?
  - + Sáng kiến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến là gì?
  - + Tổng kết kinh nghiệm giáo dục là gì?
- Làm bài tập thực hành.
- Tự trả lời câu hỏi cuối hoạt động.

### *Thảo luận nhóm*

- Chia lớp thành các nhóm.
- Các nhóm thảo luận ý kiến của từng người về tất cả các khái niệm nêu trên.
- Ghi bản tổng hợp các ý kiến thống nhất của nhóm.

### *Thảo luận chung cả lớp*

- Thảo luận ý kiến của từng nhóm.
- Tổng kết các ý kiến của các nhóm.

### *Giảng viên*

- Sử dụng máy chiếu Projector hoặc giấy khổ lớn in sẵn các định nghĩa chuẩn để so sánh với các định nghĩa của học viên đưa ra.
- Nhấn mạnh định nghĩa chính xác cho từng khái niệm.

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

Trong thực tiễn hoạt động giáo dục, chúng ta thường sử dụng những khái niệm “sáng kiến kinh nghiệm” hay “sáng kiến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến”, xuất phát từ đây chúng ta có hàng loạt các câu hỏi cần phải trả lời, ví dụ như:

- Sáng kiến và kinh nghiệm là gì?
- Thế nào là sáng kiến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến?
- Viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến được tiến hành như thế nào?
- Viết sáng kiến kinh nghiệm có phải là nghiên cứu khoa học không?

Để trả lời đúng bản chất các khái niệm đó, chúng ta cần bắt đầu thảo luận từ khái niệm *nghiên cứu khoa học*, trả lời câu hỏi nghiên cứu khoa học là gì?

### 1. Nghiên cứu khoa học (scientific research)

Từ trước đến nay trong các tài liệu lý thuyết, các tác giả trong nước và nước ngoài đã có nhiều cách tiếp cận về nghiên cứu khoa học, do vậy đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau. Trong số đó có một cách tiếp cận mà chúng tôi cho là hợp lý hơn cả, đó là:

- Nghiên cứu khoa học là hoạt động tìm tòi, khám phá, giải thích, kiểm nghiệm các sự kiện, hiện tượng trong hiện thực khách quan một cách có hệ thống. Mục đích của nghiên cứu khoa học là hình thành tri thức mới về thế giới khách quan và tìm kiếm các phương pháp ứng dụng chúng vào thực tế, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.
- Thuật ngữ nghiên cứu còn được sử dụng để nói về các hoạt động khảo sát thực tế, thu thập thông tin, tổng kết kinh nghiệm, tìm phương án giải quyết các vấn đề vướng mắc trong chuyên môn, nghề nghiệp có liên quan đến phương pháp khoa học do các nhà chuyên môn thực hiện.

Ở trường hợp thứ nhất, hoạt động nghiên cứu của các nhà khoa học chuyên nghiệp được thực hiện trong các viện nghiên cứu, trong các trường đại học, với các đề tài khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, ngành, cấp tỉnh, thành và cấp cơ sở.

Ở trường hợp thứ hai, hoạt động nghiên cứu của các nhà chuyên môn được thực hiện ngay trong quá trình sản xuất, hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, ở các đơn vị sản xuất, nhà trường... nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong hoạt động chuyên môn để tìm cách cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động. Đây là một hoạt động rất phổ biến trong thời đại ngày nay làm cho khoảng cách giữa nhà chuyên môn và nhà khoa học được rút ngắn, bởi vì nghiên cứu khoa học hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn rất có hiệu quả. Một nhà chuyên môn giỏi cũng đồng thời là người có năng lực nghiên cứu khoa học tốt, có quan điểm tiếp cận và kĩ năng nghiên cứu ở mức độ chuyên sâu.

Như vậy, nghiên cứu khoa học ít nhất cũng có hai cấp độ: nghiên cứu chuyên nghiệp nhằm phát triển khoa học, công nghệ và nghiên cứu chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Cả hai cấp độ này đều rất quan trọng.

Nghiên cứu tổng kết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục trong nhà trường do giáo viên thực hiện thuộc cấp độ thứ hai, giúp các nhà giáo nâng cao năng lực sư phạm để làm tốt công việc giảng dạy và giáo dục.

Nghiên cứu khoa học hiện đại có bốn loại hình, trong đó có hai loại hình quan trọng nhất, đó là nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

## 2. Nghiên cứu cơ bản (research fundamental)

- Nghiên cứu cơ bản (hay còn gọi là nghiên cứu thuần túy) là loại hình nghiên cứu được thực hiện bởi sự đam mê sáng tạo của các nhà khoa học, để trả lời những câu hỏi thuần túy khoa học. Động lực thôi thúc các nhà khoa học nghiên cứu cơ bản là tìm tòi, khám phá để mở rộng những hiểu biết về thế giới khách quan, tạo ra hệ thống lí thuyết khoa học mới, ở thời điểm này các nhà khoa học chưa đặt ra vấn đề tìm kiếm lợi nhuận kinh tế. Tuy vậy, các kết quả nghiên cứu cơ bản lại rất quan trọng vì nó là cơ sở cho sự phát triển của toàn bộ hệ thống khoa học và công nghệ, sẽ đem lại những thành tựu kinh tế lớn lao cho nhân loại.
- Nghiên cứu cơ bản trong thời kì hiện đại thường được thực hiện ở các quốc gia, ở các viện nghiên cứu khoa học, nơi có tiềm lực khoa học, có nhiều nhà khoa học tài năng, có các thiết bị kĩ thuật hiện đại, nguồn tài chính dồi dào và thông tin khoa học phong phú.

Trong lịch sử nhân loại có nhiều thành tựu nghiên cứu cơ bản gắn với tên tuổi của các nhà khoa học lỗi lạc, ví dụ:

- + Nicolas Copernic với thuyết “nhật tâm”.
- + Isaac Newton với định luật “vạn vật hấp dẫn” và nguyên lí “bảo toàn năng lượng”.
- + Charles Darwin với thuyết “tiến hoá”.
- + Albert Einstein với thuyết “tương đối”.

và hàng loạt các công trình nghiên cứu lí thuyết khác trên tất các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, kinh tế, kĩ thuật...

## 3. Nghiên cứu ứng dụng (research applied)

- Nghiên cứu ứng dụng là loại hình nghiên cứu sử dụng các lí thuyết khoa học cơ bản vào việc giải quyết các vấn đề của thực tế cuộc sống. Mục đích của nghiên cứu ứng dụng là tạo ra các quy trình công nghệ mới, các phương pháp quản lí kinh tế, văn hoá, xã hội mới... nhằm cải thiện chất lượng và hiệu quả lao động, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.
- Nghiên cứu ứng dụng được thực hiện phổ biến ở các nước đang hiện đại hoá công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng làm rút ngắn khoảng cách giữa các

lí thuyết khoa học và thực tế cuộc sống, làm cho khoa học và sản xuất cùng phát triển nhanh hơn.

Hiện nay, một số nhà khoa học nhận thấy sự cấp thiết của việc giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như: bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt... cho rằng đã đến lúc phải chuyển trọng tâm từ nghiên cứu cơ bản sang nghiên cứu ứng dụng. Đây là một nhấn mạnh về tầm quan trọng của nghiên cứu ứng dụng trong xã hội hiện đại.

Trong lịch sử nhân loại có rất nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng đã tạo ra những phát minh, sáng chế có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc sống con người. Ví dụ: người ta ứng dụng định luật Archimed: “Lực đẩy tác dụng lên vật bằng trọng lực phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ” để trục vớt các tàu thuyền bị đắm...

Theo đánh giá của France Press, ở thế kỉ XX nhân loại có 12 phát minh vĩ đại như sau:

+ *Phát minh thứ nhất: Máy bay*

Năm 1903, hai anh em nhà Wright (Orville và Wilbur Wright) thực hiện thành công chuyến bay đầu tiên trong lịch sử nhân loại trên thiết bị bay có gắn động cơ do họ sáng chế. Năm 1930 kĩ sư người Anh Ph. Watl phát minh ra động cơ phản lực. Chín năm sau hãng Heinkel của Đức chế tạo thành công chiếc máy bay khổng lồ có thể chứa được tới 700 hành khách. Ngày nay máy bay là phương tiện giao thông được sử dụng phổ biến và ưa chuộng trên toàn thế giới.

+ *Phát minh thứ hai: Vô tuyến truyền hình*

Năm 1923, J. Berd kĩ sư người Scotland phát minh ra chiếc máy có khả năng nhận hình ảnh từ những tín hiệu điện từ – đó chính là tiền thân của máy vô tuyến truyền hình ngày nay. Năm 1932, hãng BBC của Anh bắt đầu phát đi các chương trình truyền hình thường kì. Ngày nay sóng truyền hình đã có ở mọi nơi trên trái đất thông qua trạm chuyển tiếp bằng cáp truyền hình hoặc vệ tinh.

+ *Phát minh thứ ba: Peniciline*

Peniciline “thần dược” của thế kỉ XX được chế tạo ra năm 1928 bởi nhà nghiên cứu người Scotland Alexander Fleming. Ông phát hiện ra một loại mốc có khả năng tiêu diệt các loài vi khuẩn có ở xung quanh chúng.

Mười năm sau, một nhóm các nhà bác học người Anh tìm ra phương pháp làm sạch chế phẩm từ loại mốc này. Năm 1943, những viên kháng sinh Peniciline đầu tiên được sản xuất và sử dụng rộng rãi trong y học, mỗi năm đã cứu sống hàng triệu người.

+ *Phát minh thứ tư: Phấn i-ốt nhiệt hạch*

Năm 1942, một nhóm nhà khoa học ở trường Đại học Chicago Mỹ thành công trong nghiên cứu sự phân chia nguyên tử, nguyên tố phóng xạ. Ba năm sau quả bom nguyên tử đầu tiên được thử nghiệm. Một tháng sau, hai quả bom nguyên tử đã ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Ngày nay năng lượng nguyên tử được sử dụng chủ yếu vào mục đích hoà bình.

+ *Phát minh thứ năm: Máy tính điện tử*

Chiếc máy tính điện cơ đầu tiên được sáng tạo ra năm 1943 để dò mở mã khoá của phát xít Đức trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, những phát minh tiếp theo là transistor (1947) microprocessor (1970), đĩa cứng (1956), modem (1980), con chuột (1983)... đã làm tăng tốc độ thu nhận và xử lý thông tin của máy tính lên hàng vạn lần. Ngày nay máy tính là công cụ không thể thiếu được trong bất cứ lĩnh vực nghề nghiệp nào.

+ *Phát minh thứ sáu: Thuốc tránh thai*

Năm 1954, các bác sĩ người Mỹ Gregory Pincus, John Rock, Min – chueh Chang sáng tạo ra những viên thuốc tránh thai đầu tiên và giờ đây chúng được sử dụng rộng rãi, giúp người phụ nữ có thể kiểm soát được kế hoạch sinh đẻ của mình, chủ động trong công tác và xây dựng cuộc sống.

+ *Phát minh thứ bảy: ADN*

Năm 1953, nhà bác học người Anh Cric cùng với nhà bác học Mỹ J. Watson khám phá phân tử ADN mang thông tin di truyền đã tạo ra những thành công lớn trong y học và nông học, giờ đây bản đồ gen người đã được thiết lập, phục vụ cho cuộc sống tương lai của loài người.

+ *Phát minh thứ tám: Laser*

Ý tưởng về laser được Einstein đưa ra từ năm 1917 nhưng phải đến 40 năm sau mới được G. Gould – Đại học Columbia Mỹ biến thành hiện thực, laser đã nhanh chóng được ứng dụng rộng rãi từ việc hàn kim loại đến ứng dụng trong y học, máy tính điện tử và video...

+ *Phát minh thứ chín: Cấy ghép bộ phận trong cơ thể người*

Năm 1967, bác sĩ người Nam Phi C. Barnard cấy ghép thành công trái tim của một người mới chết cho một bệnh nhân. Sau đó y học lần lượt thành công trong việc ghép tay, tủy, da, buồng trứng, thay thế một số bộ phận của động vật cho các bệnh nhân.

+ *Phát minh thứ mười: Sinh con trong ống nghiệm*

Cô bé đầu tiên được sinh ra trong ống nghiệm là Liza Braun. Thành công này của y học đã mang lại hạnh phúc cho biết bao gia đình hiếm, muộn con.

+ *Phát minh thứ mười một: Bay vào vũ trụ*

Kể nguyên vũ trụ mở ra khi vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô được phóng lên quỹ đạo. Bốn năm sau Gagarin bay vào vũ trụ. Tám năm sau ba nhà du hành Mỹ đổ bộ lên mặt trăng. Giờ đây vệ tinh được sử dụng rộng rãi để chuyển tiếp điện thoại, truyền hình, dự báo thời tiết, nghiên cứu khoa học.

+ *Phát minh thứ mười hai: Internet*

Năm 1969, lần đầu tiên trong lịch sử khoa học các dữ liệu thông tin được truyền qua lại giữa hai máy tính cách nhau hàng ngàn km, đó là tiền thân của công nghệ thông tin và viễn thông. Năm 1983, Robert E. Kahn, Vint Cerf sáng tạo ra mạng TCP/IP đầu tiên và hiện nay trên trái đất đã có hàng tỉ người sử dụng Internet như một phương tiện truyền thông chủ yếu.

#### 4. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

*Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là loại hình nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục, thông qua các tác động hoặc can thiệp sư phạm vào quá trình giáo dục và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến chất lượng và hiệu quả giáo dục (Tài liệu Dự án Việt – Bỉ về giáo dục, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011).*

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng được thực hiện trong nhà trường, cho nên có hai yếu tố quan trọng cần được lưu ý, một là các tác động sư phạm và hai là người tổ chức thực hiện các tác động đó:

- Các tác động sư phạm ở đây chính là những lý thuyết khoa học về tâm lý, giáo dục học, về khoa học quản lý giáo dục... do giáo viên và cán bộ quản